

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH G**

Bản án số: 21/2020/HS-ST

Ngày: 07/7/2020

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH G

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoài Thor.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà H'Súy;

Bà Huỳnh Thị Thành.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Mỹ Vương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh G tham gia phiên tòa: Ông Phạm Thế Quang - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 7 năm 2020 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh G xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 17/2020/TLST-HS ngày 11 tháng 5 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2020/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 6 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Th L; sinh năm 1983 tại tỉnh Qu Ng; nơi cư trú: Thôn 2, xã D, huyện D, tỉnh K; nghề nghiệp: Làm nông; Tr độ học vấn: Không đi học; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Hải (hiện đã chết) và bà Nguyễn Thị Bường (hiện đã chết); bị cáo có chồng là Bùi Thế Th và 03 người con; tiền án: Không, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 23/5/2005, theo Bản án số 74/2005/HSST bị Tòa án nhân dân thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương xử phạt 06 tháng tù giam về tội Trộm cắp tài sản (đã được xóa án tích). Ngày 18/3/2010, Công an huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số tiền 150.000đồng về hành vi Trộm cắp tài sản (đã chấp hành xong). Ngày 11/7/2013, theo Bản án số 55/2013/HSST bị Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai xử phạt 3 tháng 18 ngày tù (đã được xóa án tích). Ngày 28/11/2013, bị Công an huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam xử phạt 1.000.000đồng về hành vi trộm cắp tài sản (đã chấp hành xong). Ngày 20/8/2014, theo Bản án số 498/2014/HSST bị Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xử phạt 08 tháng tù giam về tội trộm cắp tài sản (đã được xóa án tích). Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 13/01/2020 đến nay. Có mặt.

2. Trần Thị Q Nh; sinh ngày 13 tháng 6 năm 1999 tại tỉnh B Th; nơi cư trú: Khu phố 10, phường Bình Tân, thị xã Lagi, tỉnh B Th; nghề nghiệp: Làm nông; Tr độ học vấn: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn Hiền và bà Đoàn Thị Minh Ngà; bị cáo có chồng là Nguyễn Văn Nguyễn và 02 người con; tiền án: Không, tiền sự: 01 về hành vi trộm cắp tài sản, ngày 03/01/2020 bị Công an thị xã Lagi, tỉnh B Th ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính với số tiền 1.500.000 đồng; nhân thân: Không. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 13/01/2020 đến ngày 22/01/2020 được thay thế biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

3. Nguyễn V Tr; sinh ngày 07 tháng 7 năm 1996 tại tỉnh Qu Ng; nơi cư trú: Thôn Phước Tích, xã Bình Mỹ, huyện Bình Sơn, tỉnh Qu Ng; nghề nghiệp: Làm nông; Tr độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Hải (hiện đã chết) và bà Nguyễn Thị Hạnh; Bị cáo có vợ là Đỗ Thị Thu và 01 người con; tiền án: Không, tiền sự: Không; nhân thân: Không. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 13/01/2020 đến nay. Có mặt.

4. Bùi X L; sinh ngày 05 tháng 6 năm 1997 tại tỉnh Khánh Hòa; nơi cư trú: Thôn 2, xã D, huyện D, tỉnh K; nghề nghiệp: Làm nông; Tr độ học vấn: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Cha: Không xác định, con bà Bùi Thị Th Di; có vợ Hồ Thị Minh Tuyên và 01 người con, sinh tháng 02/2020; tiền án: Không, tiền sự: Không; nhân thân: Không. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 13/01/2020 đến nay. Có mặt.

5. Bùi Th Ng; sinh ngày 10 tháng 01 năm 1990 tại tỉnh Khánh Hòa; nơi cư trú: Thôn 2, xã D, huyện D, tỉnh K; nghề nghiệp: Làm nông; Tr độ học vấn: Không đi học; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Thế Khanh (hiện đã chết) và mẹ là bà Nguyễn Thị Đào; Có chồng là Nguyễn Ngọc Hưng (đã ly hôn) và có 02 người con; tiền án: Không, tiền sự: Không; nhân thân: Không. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 13/01/2020 đến ngày 22/01/2020 được thay thế biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

6. Lê Trần T Qu; sinh ngày 30 tháng 8 năm 1998 tại tỉnh Khánh Hòa; nơi cư trú: Thôn Hội Phước, xã Diên Bình, huyện D, tỉnh K; nghề nghiệp: Làm nông; Tr độ học vấn: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Hậu và bà Trần Lê Hoàng Oanh; có vợ là Thái Thị Sen và chưa có con; tiền án: Không, tiền sự: Không; nhân thân: Không. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 13/01/2020 đến ngày 22/01/2020 được thay thế biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

- Bị hại:

1. Bà Lê Thị Hồng Th, sinh năm 1992. Trú tại: Tổ dân phố 7, thị trấn Đa, huyện Đ, tỉnh G. Vắng mặt.

2. Bà Bùi Thị Đ L, sinh năm 1976. Trú tại: Tổ dân phố 4, thị trấn Đ, huyện Đ,

tỉnh G. Vắng mặt.

3. Bà Trần Thị KA, sinh năm 1992. Trú tại: Tổ 1, phường Chi Lăng, thành phố P, tỉnh G. Vắng mặt.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Ông Bùi Thế Th, sinh năm 1979. Trú tại: Thôn 2, xã D, huyện D, tỉnh K. Có mặt.

2. Bà Nguyễn Thị H Th, sinh năm 1982. Trú tại: Thôn Ngọc Phước 1, xã Bình Ngọc, thành phố T, tỉnh Ph. Có mặt.

3. Bà Bùi Thị Th Di, sinh năm 1975. Trú tại: Thôn 2, xã D, huyện D, tỉnh K. Có mặt.

4. Công ty tài chính TNHH Một thành viên Ngân hàng Việt Nam Th V; Địa chỉ: Tầng 2, tòa nhà REE-số 9 Đoàn Văn Bơ, phường 12, quận 4, thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Tấn D, sinh năm 1991. Trú tại: Tổ dân phố 7, thị trấn K, huyện K, tỉnh G. Vắng mặt.

- *Người tham gia tố tụng khác:* Không.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong khoảng thời gian từ ngày 04 tháng 01 năm 2020 đến ngày 12 tháng 01 năm 2020 trên địa bàn thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh G, bị cáo Nguyễn Th L cùng đồng phạm đã thực hiện hành vi phạm tội như sau:

Lần thứ nhất: Tối ngày 03 tháng 01 năm 2020, tại nhà của Nguyễn Th L thuộc Thôn 2, xã D, huyện D, tỉnh K, Nguyễn Th L rủ Trần Thị Q Nh, Nguyễn V Tr, Bùi X L cùng đi lên tỉnh G để trộm cắp tài sản, cả nhóm đồng ý. Khoảng 07 giờ sáng ngày 04 tháng 01 năm 2020, Tr điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter 150, biển kiểm soát (BKS) 78C1 - 419.30 chở theo Nguyễn Th L, Bùi X L điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Winner X BKS 79D1 - 712.37 chở Trần Thị Q Nh đi từ tỉnh Khánh Hòa đến tỉnh G. Khoảng 15 giờ 30 phút cùng ngày thì Lý, Tr, Như, Quốc đi đến huyện Đ, tỉnh G. Khi đi đến Trung tâm thương mại (Chợ) huyện Đ thuộc Tổ dân phố (TDP) 5, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh G thì Lý và Như xuống xe đi bộ vào trong Chợ tìm người sơ hở trộm cắp tài sản. Khi Lý và Như thấy chị Lê Thị Hồng Th (sinh năm 1992, trú tại: TDP 7, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh G) mặc áo khoác màu hồng đang bế con đi dạo trong Chợ để mua hàng, trong túi áo khoác bên trái có để 01 điện thoại, Lý và Như tiếp cận nhằm trộm cắp tài sản. Lý và Như theo sau chị Thầm đi vào sạp bán trái cây, còn Tr và Lộc đứng ở khu vực gần sạp trái cây để hỗ trợ cho Lý và Như. Sau khoảng 2-3 phút, Lý tiếp cận và dùng tay trái móc chiếc điện thoại Iphone X trong túi áo chị Thầm rồi chuyển tay đưa cho Như cầm, Lý tiếp tục chọn mua 3 quả xoài, còn Như đi ra xe của Lộc chờ sẵn và lên xe để Lộc chở đi về thành phố P, tỉnh G. Tr đi ra xe chở Lý đi theo sau Lộc và Như về thành

phố P, tỉnh G. Cả nhóm đi đến quán Cà phê vỉa hè trước cổng Bệnh viện đa khoa tỉnh G thuộc Tổ 10, phường Phù Đồng, thành phố P, tỉnh G ngồi uống cà phê. Sau đó, tất cả đi về nhà chị Bùi Thị Kim Liên (sinh năm 1988, trú tại: Thôn Hàm Rồng, xã Chư HDrông, thành phố P, tỉnh G, chị Liên là em họ của Bùi Thế Th chồng của Nguyễn Th L) để nghỉ, riêng Nguyễn V Tr thuê nhà nghỉ tại thành phố P để ở. Đến khoảng 16 giờ chiều ngày 05 tháng 01 năm 2020, Lý điện thoại cho Nguyễn V Tr, rồi cả nhóm tiếp tục đi xuống chợ huyện Đ để tìm người dân sơ hở trộm cắp tài sản nhưng không trộm được gì. Chiếc điện thoại Iphone X có mặt khóa nên Lý biết không bán được và đã vứt chiếc điện thoại ở bụi cỏ lề đường Tôn Thất Tùng thuộc Tổ 10, phường Phù Đồng, thành phố P, tỉnh G vào ngày 06 tháng 01 năm 2020. (Cơ quan điều tra đã tiến hành truy tìm nhưng không tìm thấy).

Ngày 04 tháng 01 năm 2020, chị Lê Thị Hồng Th có Đơn Tr báo sự việc bị mất trộm đến Cơ quan điều tra để xử lý theo quy định.

Theo Bản kết luận định giá tài sản số 02 ngày 21 tháng 01 năm 2020 của Hội đồng định giá tài sản huyện Đ xác định: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone X, tại thời điểm bị mất trộm có trị giá là: 18.400.000 đồng.

Lần thứ hai: Ngày 08 tháng 01 năm 2020, trong lúc đang ở tại nhà chị Bùi Thị Kim Liên, Lý tiếp tục gọi điện thoại cho Tr, rủ Như và Lộc đi đến huyện Đ, tỉnh G để trộm cắp tài sản thì Tr, Như, Lộc đồng ý. Khoảng 15 giờ 30 phút cùng ngày, Nguyễn V Tr điều khiển xe mô tô BKS 78C1 - 419.30 chở theo Nguyễn Th L, Bùi X L điều khiển xe mô tô BKS 79D1- 712.37 chở Trần Thị Q Nh đến Chợ huyện Đ. Khi đi trên đường Nguyễn Huệ, thị trấn Đ, gần cổng phụ vào Chợ thì cả nhóm thấy một túi xách của chị Bùi Thị Đ L (sinh năm 1976, trú tại TDP 4, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh G) để trên thùng xốp tại sạp bán cá trên vỉa hè, chị Bùi Thị Đ L đang lựa mua cá, bên trong túi xách có 01 điện thoại di động nhãn hiệu SamSung Galaxy A50 màu xanh dương, 01 máy tính xách tay nhãn hiệu Asus màu bạc, 01 ví nam bên trong có số tiền 12.100.000 đồng và một số giấy tờ tùy thân khác. Thấy chị Bùi Thị Đ L mãi mua hàng không để ý đến túi xách nên Tr và Lộc điều khiển xe mô tô dừng xe gần sạp bán cá. Tr, Lý và Như xuống xe đi bộ lại gần túi xách giả lựa mua cá, thấy không ai để ý nên Như đi đến lấy trộm túi xách rồi lên xe để Lộc chở về thành phố P, Tr chở Lý đi theo ngay sau đó, đi về quán Cà phê vỉa hè trước cổng Bệnh viện đa khoa tỉnh G. Lý kiểm tra túi xách thấy có 01 điện thoại di động nhãn hiệu Sam Sung GalaxyA50 màu xanh dương, 01 máy tính xách tay (laptop) màu bạc nhãn hiệu Asus, 01 ví nam bên trong có số tiền 12.100.000 đồng và một số giấy tờ. Lý lấy số tiền 12.100.000 đồng rồi đưa túi xách cho Lộc đi bán laptop, điện thoại. Lộc điều khiển xe mô tô BKS 79D1- 712.37 chở Như cầm túi xách bên trong có laptop và điện thoại di động đi bán cho một người đàn ông tại một tiệm cầm đồ (không rõ địa chỉ) được số tiền 5.000.000 đồng, trên đường đi về lại quán cà phê vỉa hè trước cổng Bệnh viện đa khoa tỉnh G thì Lộc vứt túi xách bên trong có giấy tờ và 01 ví nam vào bụi cỏ ven đường (không rõ vị trí Cơ quan điều tra đã tiến hành truy tìm nhưng không tìm thấy). Lộc và

Như đưa lại cho Lý số tiền 5.000.000 đồng, Lý chia cho Tr 3.000.000 đồng, Lộc và Như mỗi người 4.000.000 đồng còn lại Lý lấy 6.100.000 đồng, sau đó tất cả về lại tỉnh Khánh Hòa. Số tiền được chia do trộm cắp mà có thì Lý tiêu xài còn lại 700.000 đồng, Như tiêu xài còn lại 578.000 đồng, Lộc tiêu xài còn lại 1.700.000 đồng, Tr tiêu xài còn lại 400.000 đồng đã bị Cơ quan điều tra thu giữ.

Ngày 08 tháng 01 năm 2020 chị Bùi Thị Đ L có Đơn Tr báo sự việc bị mất trộm đến Cơ quan điều tra để xử lý theo quy định.

Theo Bản kết luận định giá tài sản số 03 ngày 21 tháng 01 năm 2020 và Bản kết luận định giá tài sản số 13 ngày 13 tháng 3 năm 2020 của Hội đồng định giá tài sản huyện Đ, tỉnh G xác định: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Sam Sung GalaxyA50 màu xanh dương tại thời điểm bị mất trộm có trị giá là: 4.000.000 đồng. 01 máy tính xách tay màu bạc nhãn hiệu Asus tại thời điểm bị mất trộm có trị giá là: 10.800.000 đồng. 01 ví nam và 01 túi xách không nhãn hiệu nên không có cơ sở định giá. Tổng trị giá tài sản theo yêu cầu định giá tài sản là: 14.800.000 đồng.

Như vậy, tổng trị giá tài sản mà các bị cáo chiếm đoạt là 26.900.000 đồng.

Lần thứ ba: Khoảng 20 giờ tối ngày 11 tháng 4 năm 2020, Bùi X L uống bia cùng Trần Thị Q Nh, Bùi Th Ng, Lê Trần T Qu ở trước nhà Lộc và Lý. Nguyễn V Tr đang xem bóng đá ở trong nhà Lý. Lúc này, Lý đi chơi về vào uống 1 ly bia với nhóm của Lộc và nói “Uống ít thôi, mai tập trung đi làm sớm (tức là đi trộm cắp tài sản)”. Nghe Lý nói thì Quốc xin đi theo: “Mai cho con đi theo với”, Nga nói với Lý: “Cho em đi theo với, ở nhà chán quá”, Lý nói với Nga: “Tùy mày, đi thì còn mấy đứa nhỏ (02 con của Nga) tính sao”, Nga nói: “Để bà nội (tức mẹ của Nga, mẹ chồng của Lý) trông”; sau đó Lý vào nhà nói với Tr: “Sáng mai lên G đi “làm” (tức đi trộm cắp tài sản), sẵn chị đi chích thuốc đầu gối”. Khoảng 7 giờ sáng ngày 12 tháng 01 năm 2020, do đã hẹn nhau từ trước, Tr điều khiển xe mô tô BKS 78C1 - 419.30 chở theo Nguyễn Th L, Bùi X L điều khiển xe mô tô BKS 79D1- 712.37 chở Trần Thị Q Nh, Lê Trần T Qu điều khiển xe mô tô BKS 79D1 – 100.44 chở Bùi Th Ng, đi từ tỉnh Khánh Hòa đến Chợ huyện Đ, tỉnh G, lúc này khoảng hơn 15 giờ cùng ngày. Khi đi đến nơi thì Lý, Như và Nga đi bộ vào trong Chợ tìm người sơ hở để trộm cắp tài sản. Lý nhìn thấy chị Trần Thị KA (sinh năm 1992, trú tại: Tổ 1, phường Chi Lăng, thành phố P, tỉnh G) mặc áo khoác màu hồng đang đi vào tiệm tạp hóa Ngọc Hân của bà Bùi Thị Huyền (sinh năm 1969, trú tại: TDP 5, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh G), trong túi áo bên phải có 01 chiếc điện thoại di động hiệu Sam Sung Galaxy J7 Pro nên Lý, Như và Nga đi theo chị Anh vào tiệm tạp hóa. Thấy chị Anh đang tính tiền tại quầy, Lý vào mua 01 bì xà phòng rồi đi ra đưa cho chị Huyền chủ tiệm tạp hóa để tính tiền và đứng gần chị Anh nhằm tiếp cận lấy trộm điện thoại. Nga cũng lấy một khăn tay ra đứng gần Lý tính tiền, Lý dùng tay trái kéo khóa túi áo và lấy trộm điện thoại trong túi áo của chị Anh rồi chuyển cho Như cầm ra ngoài. Lý tính tiền rồi đi bộ ra ngoài dạo thêm một vòng lên xe cho Tr chở về quán nước tại cổng Bệnh viện đa khoa tỉnh G; còn Lộc chở Như, Quốc chở Nga cùng về lại quán nước. Trên đường đi, Như

đưa điện thoại mới trộm cắp được cho Tr và khi đi đến quán nước, Tr đưa lại điện thoại cho Lý rồi đi mua bánh mì ở gần đó. Lý, Lộc, Như, Nga và Quốc đang ngồi ăn uống thì Công an huyện Đ mời về trụ sở để làm việc. Khi thấy Công an, Lý bỏ chiếc điện thoại mới trộm cắp được xuống dưới chân ghế, sau đó bị mất nên không thu giữ được.

Ngày 12 tháng 01 năm 2020, chị Trần Thị KA có Đơn Tr báo sự việc bị mất trộm đến Cơ quan điều tra để xử lý theo quy định.

Ngày 13/01/2020, Nguyễn V Tr đến Công an huyện Đ, tỉnh G đầu thú, khai nhận hành vi phạm tội như trên.

Theo Bản kết luận định giá tài sản số 01 ngày 21 tháng 01 năm 2020 của Hội đồng định giá tài sản huyện Đ, tỉnh G xác định: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Sam Sung Galaxy J7 Pro tại thời điểm bị mất trộm có trị giá là 4.200.000 đồng.

- Vật chứng thu giữ gồm:

- Tạm giữ của Nguyễn V Tr gồm:

+ 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter 150, BKS 78C1-419.30, số khung: 0610HY473699, số máy: G3D4E495215.

+ 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 022338, BKS 78C1-419.30 tên chủ xe Nguyễn Thị H Th;

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 1010, số imei: 357328089018752, bên trong có số sim: 0344779272;

+ Tiền Việt Nam đồng: 400.000 đồng;

- Tạm giữ của Bùi X L gồm:

+ 01 xe mô tô nhãn hiệu Winner X, BKS 79D1-712.37, số khung: RLHKC3719KY036354, số máy: KC34E1070718;

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, số Imei: 358281035945934, bên trong có sim số: 0388162513;

+ Tiền Việt Nam đồng: 1.700.000 đồng;

- Tạm giữ của Lê Trần T Qu gồm:

+ 01 xe mô tô BKS 79D1-100.44, số khung: 10CY083503, số máy: 55P1083513.

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Sam Sung Galaxy J8, số imei 1: 359051/09/750404/7, số imei 2: 359052/09/750404/5;

- Tạm giữ của Nguyễn Th L gồm:

+ 01 điện thoại di động hiệu Iphone, số imei: 356677086851552;

+ Tiền Việt Nam đồng: 700.000 đồng ;

- Tạm giữ của Trần Thị Q Nh:

+ Tiền Việt Nam đồng: 578.000 đồng;

- 01 đĩa CD-R, bên trong có video sao lưu từ camera an ninh của nhà bà Nguyễn Thị Lan (sinh năm 1982, trú tại TDP 5, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh G) thể hiện video hình ảnh chị Lê Thị Hồng Th bị trộm cắp tài sản ngày 04 tháng 01 năm 2020 do bà Lan giao nộp;

- 01 đĩa CD-R, bên trong có video sao lưu từ camera an ninh của nhà bà Văn Thị Liễu (sinh năm 1969, trú tại TDP 5, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh G) thể hiện video hình ảnh chị Bùi Thị Đ L bị Trần Thị Q Nh trộm cắp tài sản ngày 08 tháng 01 năm 2020 do bà Liễu giao nộp;

- 01 đĩa CD-R, bên trong có video sao lưu từ camera an ninh của quán tạp hóa Ngọc Hân của bà Bùi Thị Huyền thể hiện video hình ảnh chị Trần Thị KA bị Nguyễn Th L trộm cắp tài sản ngày 12 tháng 01 năm 2020 do bà Huyền giao nộp;

Quá Tr điều tra xác định:

Đối với xe mô tô BKS 78C1 - 419.30 và 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy mang tên Nguyễn Thị H Th thuộc sở hữu của chị Nguyễn Thị H Th (sinh năm 1982, trú tại: Thôn Ngọc Phước 1, xã Bình Ngọc, thành phố T, tỉnh Ph). Từ ngày 04 tháng 01 năm 2020, Nguyễn V Tr mượn xe mô tô trên của chị Thái để sử dụng rồi đi trộm cắp tài sản chị Thái không biết nên không xử lý đối với chị Thái là phù hợp. Đối với xe mô tô BKS 79D1 – 100.44 thuộc sở hữu của anh Bùi Thế Th (sinh năm 1979, trú tại: Thôn 2, xã D, huyện D, tỉnh K). Ngày 12 tháng 01 năm 2020, Lê Trần T Qu và Bùi Th Ng mượn xe mô tô trên của anh Thành để sử dụng rồi đi trộm cắp tài sản anh Thành không biết nên không xử lý đối với anh Thành là phù hợp. Cơ quan điều tra đã ra Quyết định trả lại tài sản và giấy tờ liên quan cho chủ sở hữu theo quy định.

- Đối với số tiền 3.378.000 đồng tạm giữ của các bị cáo Bùi X L, Nguyễn V Tr, Trần Thị Q Nh và Nguyễn Th L là tiền có được do phạm tội mà có nên chuyển theo hồ sơ vụ án để xử lý theo quy định.

- Đối với xe mô tô nhãn hiệu Winner X, BKS 79D1- 12.37 là phương tiện Bùi X L sử dụng khi phạm tội thuộc sở hữu của Bùi X L mua trả góp. Ngày 04 tháng 12 năm 2019, Lộc thế chấp xe mô tô BKS 79D1-712.37 cho Công ty Tài chính TNHH Một thành viên (MTV) Ngân hàng Việt Nam Th V để vay số tiền 31.800.000 đồng, trả góp trong thời hạn 12 tháng. Tuy nhiên, Lộc mới chỉ trả góp 01 tháng với số tiền 2.994.000 đồng, còn lại 28.806.000 đồng và tiền lãi. Công ty Tài chính TNHH MTV Ngân hàng Việt Nam Th V yêu cầu được nhận chiếc xe trên để xử lý tài sản thế chấp, thanh lý Hợp đồng tín dụng điện tử số 20191204-2954991 ngày 04/12/2019, nên chuyển theo hồ sơ vụ án để xử lý theo quy định.

- Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Sam Sung Galaxy J8, số imei 1: 359051/09/750404/7, số imei 2: 359052/09/750404/5; 01 điện thoại nhãn hiệu Nokia, số Imei: 358281035945934, bên trong có sim số: 0388162513; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 1010, số imei: 357328089018752, bên trong có sim số: 0344779272; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, số imei: 356677086851552 tạm giữ của Lê Trần T Qu, Bùi X L, Nguyễn V Tr và Nguyễn Th L. Đây là điện thoại mà các bị cáo sử dụng để liên lạc với nhau để đi trộm cắp tài sản nên chuyển theo hồ sơ vụ án để xử lý theo quy định.

- Đối với 03 đĩa CD-R lưu giữ Video từ camera an ninh thể hiện hành vi trộm cắp của các bị cáo nên lưu trong hồ sơ vụ án theo quy định.

Về dân sự:

- Gia đình các bị cáo đã tự nguyện bồi thường cho các bị hại chị Lê Thị Hồng Th số tiền 18.400.000 đồng; chị Bùi Thị Đ L số tiền 26.900.000 đồng và chị Trần Thị KA số tiền 4.200.000 đồng. Chị Thẩm, chị Đào và chị Anh không có yêu cầu bồi thường gì thêm.

Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi của mình như trên, các bị cáo đồng ý với các Bản kết luận định giá tài sản số: 01; 02; 03 ngày 21 tháng 01 năm 2020 và 13 ngày 13 tháng 3 năm 2020 của Hội đồng định giá tài sản huyện Đ và không có ý kiến gì khác.

Tại bản Cáo trạng số: 16/CT-VKS ngày 08 tháng 5 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh G truy tố bị cáo Nguyễn Th L, Nguyễn V Tr, Bùi X L, Trần Thị Q Nh, Lê Trần T Qu và Bùi Th Ng về tội “*Trộm cắp tài sản*” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo Nguyễn Th L, Nguyễn V Tr, Bùi X L, Trần Thị Q Nh, Lê Trần T Qu và Bùi Th Ng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Về hình sự:

Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Th L từ 02 (hai) năm đến 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù.

Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Trần Thị Q Nh từ 01 (một) năm 06 (sáu) tháng đến 02 (hai) năm tù.

Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn V Tr từ 01 (một) năm 03 (ba) tháng đến 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù.

Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Bùi X L từ 01 (một) năm 03 (ba) tháng đến 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù.

Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, h, i s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Lê Trần T Qu từ 06 (sáu) tháng đến 09 (chín) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 (mười hai) tháng đến 18 (mười tám) tháng.

Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, h, i s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Bùi Th Ng từ 06 (sáu) tháng đến 09 (chín) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 (mười hai) tháng đến 18 (mười tám) tháng.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự để xử lý vật chứng.

Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Trong quá Tr điều tra và tại phiên tòa các bị cáo nhất trí với quyết định truy tố của Viện kiểm sát.

Các bị cáo nói lời nói sau cùng trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án.

Căn cứ vào các chứng cứ và các tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

Căn cứ vào các tình tiết, chứng cứ nêu trên,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đ, Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ trong quá Tr điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, Tr tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự; quá Tr điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp và đúng quy định của pháp luật.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Trong khoảng thời gian từ ngày 04 tháng 01 năm 2020 đến ngày 12 tháng 01 năm 2020, trên địa bàn thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh G, các bị cáo Nguyễn Th L, Nguyễn V Tr, Bùi X L, Trần Thị Q Nh đã lợi dụng sở hữ của những người bị hại thực hiện 03 lần trộm cắp tài sản, tài sản mà các bị cáo chiếm đoạt có tổng trị giá là: 49.500.000 đồng. Bị cáo Lê Trần T Qu và Bùi Th Ng đã cùng bị cáo Nguyễn Th L, Nguyễn V Tr, Bùi X L, Trần Thị Q Nh thực hiện 01 lần trộm cắp tài sản, tài sản mà các bị cáo chiếm đoạt có tổng trị giá là: 4.200.000 đồng.

Như vậy, hành vi trộm cắp tài sản của các bị cáo Nguyễn Th L, Nguyễn V Tr, Bùi X L, Trần Thị Q Nh, Lê Trần T Qu và Bùi Th Ng đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*” được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự như Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ đã truy tố là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật. Do vậy, các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội của mình.

[3] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Về nhân thân:

Các bị cáo Nguyễn Th L, Trần Thị Q Nh có nhân thân xấu, bị cáo Lý có 03 tiền án và 02 tiền sự đã được xóa; bị cáo Như có 01 tiền sự.

Các bị cáo Nguyễn V Tr, Bùi X L, Bùi Th Ng và Lê Trần T Qu có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự.

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Các bị cáo Nguyễn Th L, Trần Thị Q Nh, Nguyễn V Tr và Bùi X L thực hiện 03 lần trộm cắp tài sản. Đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự được áp dụng đối với các bị cáo.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Trong quá Tr điều tra và tại phiên tòa các bị cáo Nguyễn Th L, Trần Thị Q Nh, Nguyễn V Tr, Bùi X L, Bùi Th Ng và Lê Trần T Qu thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; đã tác động gia đình và tự nguyện khắc phục hậu quả cho những bị hại, được người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo; bị cáo Nguyễn V Tr sau khi phạm tội đã tự nguyện ra đầu thú. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự áp dụng đối với các bị cáo được quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Bùi Th Ng và Lê Trần T Qu phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h, i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự áp dụng thêm đối với bị cáo Bùi Th Ng và Lê Trần T Qu.

- Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội:

Đây là vụ án có nhiều bị cáo cùng tham gia thực hiện hành vi phạm tội, nhưng giữa các bị cáo không có sự bàn bạc, phân công nhiệm vụ cụ thể trong từng lần phạm tội; khi phạm tội các bị cáo tiếp nhận ý chí của nhau, hỗ trợ nhau cùng thực hiện hành vi phạm tội; giữa các bị cáo không có sự câu kết chặt chẽ nên là vụ án đồng phạm thuộc trường hợp giản đơn.

Đối với Nguyễn Th L là người khởi xướng việc phạm tội, trực tiếp rủ các bị cáo khác cùng tham thực hiện hành vi phạm tội, tham gia cùng đồng phạm thực hiện 03 lần trộm cắp tài sản, trong đó trực tiếp thực hiện hành vi trộm cắp tài sản 02 lần, với tổng trị giá tài sản cùng đồng phạm chiếm đoạt là 49.500.000đồng, số tiền thu lợi bất chính từ việc phạm tội là 6.100.000đồng, nên phải chịu trách nhiệm chính và phải chịu mức hình phạt cao hơn các bị cáo Trần Thị Q Nh, Nguyễn V Tr, Bùi X L; Bùi Th Ng và Lê Trần T Qu.

Đối với Trần Thị Q Nh là đồng phạm trong vụ án, tham gia cùng đồng phạm thực hiện 03 lần trộm cắp tài sản, trong đó trực tiếp thực hiện hành vi trộm cắp tài sản 01 lần, với tổng trị giá tài sản cùng đồng phạm chiếm đoạt là 49.500.000đồng, số tiền thu lợi bất chính từ việc phạm tội là 4.000.000đồng nên phải chịu trách nhiệm cao hơn các bị cáo Nguyễn V Tr, Bùi X L; Bùi Th Ng và Lê Trần T Qu.

Đối với Nguyễn V Tr là đồng phạm trong vụ án, tham gia giúp sức cùng đồng phạm thực hiện 03 lần trộm cắp tài sản, với tổng trị giá tài sản cùng đồng phạm chiếm

đoạt là 49.500.000đồng, số tiền thu lợi bất chính từ việc phạm tội là 3.000.000đồng, nên phải chịu trách nhiệm cao hơn các Bùi Th Ng; Lê Trần T Qu.

Đối với Bùi X L là đồng phạm trong vụ án, tham gia giúp sức cùng đồng phạm thực hiện 03 lần trộm cắp tài sản, với tổng trị giá tài sản cùng đồng phạm chiếm đoạt là 49.500.000đồng, số tiền thu lợi bất chính từ việc phạm tội là 4.000.000đồng, nên phải chịu trách nhiệm cao hơn các Bùi Th Ng; Lê Trần T Qu.

Đối với Bùi Th Ng và Lê Trần T Qu là đồng phạm trong vụ án, tham gia giúp sức cùng đồng phạm thực hiện 01 lần trộm cắp tài sản, với trị giá tài sản cùng đồng phạm chiếm đoạt là 4.200.000đồng, có vai trò thứ yếu trong vụ án.

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, thể hiện sự coi thường pháp luật, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Vì vậy, cần phải xử phạt các bị cáo một mức án nghiêm khắc tương xứng với hành vi phạm tội của mỗi bị cáo. Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội Nguyễn Th L, Trần Thị Q Nh, Nguyễn V Tr, Bùi X L cần cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mới có tác dụng cải tạo, giáo dục các bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung. Đối với Bùi Th Ng và Lê Trần T Qu: qua xem xét quy định tại Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo, Hội đồng xét xử thấy rằng, các bị cáo có nhân thân tốt, bản thân chưa có tiền án, tiền sự, trước khi phạm tội luôn chấp hành đúng chính sách, pháp luật, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của công dân nơi cư trú, không vi phạm các điều mà pháp luật cấm, có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng, có vai trò thứ yếu trong vụ án, bị cáo Nga đang nuôi 02 con nhỏ: sinh năm 2008 và sinh năm 2011, nên không cần phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà giao cho chính quyền địa phương giám sát, giáo dục cũng đủ tác dụng răn đe, giáo dục đối với các bị cáo. Do vậy, cần áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự cho các bị cáo Bùi Th Ng và Lê Trần T Qu được hưởng án treo để tạo điều kiện cho các bị cáo được rèn luyện bản thân thành công dân có ích cho xã hội và thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

Đối với chị Bùi Thị Kim Liên trong thời gian từ tối ngày 04 tháng 01 năm 2020 đến ngày 08 tháng 01 năm 2020, chị Liên đã cho Lý, Lộc và Như ở nhờ nhà của mình, chị Liên không biết Lý, Lộc và Như đi trộm cắp tài sản nên không xử lý đối với chị Liên là có cơ sở. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Vật chứng thu giữ được:

Đối với xe mô tô BKS 78C1 - 419.30 và 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy mang tên Nguyễn Thị H Th thuộc sở hữu của chị Nguyễn Thị H Th. Từ ngày 04 tháng 01 năm 2020, Nguyễn V Tr mượn xe mô tô trên của chị Thái để sử dụng rồi đi trộm cắp tài sản chị Thái không biết nên không xử lý đối với chị Thái là phù hợp. Cơ quan điều tra đã ra Quyết định trả lại tài sản và giấy tờ liên quan cho chủ sở hữu là có cơ sở. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với xe mô tô BKS 79D1-100.44 thuộc sở hữu của anh Bùi Thế Th (sinh năm 1979, trú tại: Thôn 2, xã D, huyện D, tỉnh K). Ngày 12 tháng 01 năm 2020, Lê Trần T Qu

và Bùi Th Ng mượn xe mô tô trên của anh Thành để sử dụng rồi đi trộm cắp tài sản anh Thành không biết nên không xử lý đối với anh Thành là phù hợp. Cơ quan điều tra đã ra Quyết định trả lại tài sản và giấy tờ liên quan cho chủ sở hữu là có cơ sở. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với số tiền 3.378.000đồng tạm giữ của các bị cáo cụ thể: Bùi X L là 1.700.000đồng, Nguyễn V Tr là 400.000đồng, Trần Thị Q Nh là 578.000đồng và Nguyễn Th L là 700.000đồng. Xét đây là tiền do các bị cáo phạm tội mà có, tuy nhiên các bị cáo và gia đình các bị cáo đã bồi thường xong phần dân sự cho các bị hại, nên cần trả lại cho các bị cáo.

Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Sam Sung Galaxy J8, số imei 1: 359051/09/750404/7, số imei 2: 359052/09/750404/5; 01 điện thoại nhãn hiệu Nokia, số Imei: 358281035945934, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 1010, số imei: 357328089018752, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, số imei: 356677086851552 tạm giữ của Lê Trần T Qu, Bùi X L, Nguyễn V Tr và Nguyễn Th L. Đây là điện thoại mà các bị cáo sử dụng để liên lạc với nhau để đi trộm cắp tài sản nên cần tịch thu sung Ngân sách Nhà nước.

Đối với sim số: 0388162513; sim số: 0344779272. Xét đây là vật chứng dùng vào việc phạm tội, không có giá trị sử dụng, nên cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với xe mô tô nhãn hiệu Winner X, BKS 79D1-712.37 là phương tiện Bùi X L sử dụng khi phạm tội thuộc sở hữu của Bùi X L, nên cần tịch thu sung Ngân sách Nhà nước, nhưng do ngày 04/12/2019, Lộc thế chấp xe này cho Công ty Tài chính TNHH MTV Ngân hàng Việt Nam Th V theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 20191204-2954991, nên chỉ truy thu đối với bị cáo Lộc giá trị tài sản của chiếc xe là 45.000.000đồng, theo bản kết luận định giá ngày 08/4/2020 của Hội đồng định giá tài sản huyện Đ. Công ty Tài chính TNHH MTV Ngân hàng Việt Nam Th V yêu cầu được nhận chiếc xe mô tô nhãn hiệu Winner X, BKS 79D1-712.37, số khung: RLHKC3719KY036354, số máy: KC34E1070718 để xử lý tài sản thế chấp, thanh lý hợp đồng vay tiền. Xét thấy, bị cáo Bùi X L vay tiền của Công ty Tài chính TNHH MTV Ngân hàng Việt Nam Th V để mua trả góp chiếc xe nói trên đồng thời thế chấp chính chiếc xe này để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng tín dụng điện tử số 20191204-2954991 ngày 04/12/2019. Đây là tài sản đã được thế chấp hợp pháp và bị cáo Bùi X L đồng ý giao chiếc xe này cho Công ty Tài chính TNHH MTV Ngân hàng Việt Nam Th V xử lý thu hồi nợ. Căn cứ Điều 323 Bộ luật Dân sự năm 2015; căn cứ Điều 14 Nghị quyết số 42/2017/QH14 ngày 21/6/2017, của Quốc Hội thì cần giao lại chiếc xe này cho Công ty Tài chính TNHH MTV Ngân hàng Việt Nam Th V bán phát mại. Trường hợp còn thừa bán phát mại thì tịch thu sung Ngân sách Nhà nước là phù hợp. Trong quá Tr xử lý tài sản thế chấp, nếu có tranh chấp sẽ được giải quyết theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Đối với 03 đĩa CD-R lưu giữ Video từ camera an ninh thể hiện hành vi trộm cắp của các bị cáo nên tiếp tục lưu trong hồ sơ vụ án theo quy định.

[5] Về trách nhiệm dân sự:

Gia đình các bị cáo đã tự nguyện bồi thường cho các bị hại chị Lê Thị Hồng Th số tiền 18.400.000 đồng; chị Bùi Thị Đ L số tiền 26.900.000 đồng và chị Trần Thị KA số tiền 4.200.000 đồng. Chị Thắm, chị Đào và chị Anh không có yêu cầu bồi thường gì thêm về phần dân sự. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Th L;
- Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Trần Thị Q Nh;
- Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn V Tr;
- Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Bùi X L;
- Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Bùi Th Ng;
- Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Lê Trần T Qu;
- Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự; Căn cứ Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự;
- Căn cứ Điều 323 của Bộ luật Dân sự; Điều 14 Nghị quyết số 42/2017/QH14 ngày 21/6/2017, của Quốc Hội về thí điểm xử lý nợ xấu của các tổ chức tín dụng.
- Căn cứ Điều 135, 136 Bộ luật tố tụng Hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh:

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Th L, Trần Thị Q Nh, Nguyễn V Tr, Bùi X L; Bùi Th Ng và Lê Trần T Qu phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

2. Về hình phạt:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Th L 01 (một) năm 9 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ là ngày 13/01/2020.

Xử phạt bị cáo Trần Thị Q Nh 01 (một) năm 02 (hai) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ đi thời gian bắt tạm giữ (từ ngày 13/01/2020 đến ngày 22/01/2020).

Xử phạt bị cáo Nguyễn V Tr 01 (một) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ là ngày 13/01/2020.

Xử phạt bị cáo Bùi X L 01 (một) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ là ngày 13/01/2020.

Xử phạt bị cáo Bùi Th Ng 09 (chín) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 (mười tám) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 07/7/2020), được trừ đi thời gian bắt tạm giữ (từ ngày 13/01/2020 đến ngày 22/01/2020).

Xử phạt bị cáo Lê Trần T Qu 09 (chín) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 (mười tám) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 07/7/2020), được trừ đi thời gian bắt tạm giữ (từ ngày 13/01/2020 đến ngày 22/01/2020).

Giao bị cáo Bùi Th Ng cho Ủy ban nhân dân xã D, huyện D, tỉnh K giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Giao bị cáo Trần Tuấn Quốc cho Ủy ban nhân dân xã Diên Bình, huyện D, tỉnh K giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp các bị cáo Bùi Th Ng và Trần Tuấn Quốc thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Khoản 3 Điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo (bị cáo Bùi Th Ng và bị cáo Trần Tuấn Quốc) cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về xử lý vật chứng: Tuyên:

- Trả lại số tiền 3.378.000 đồng tạm giữ cho các bị cáo cụ thể: Bùi X L là 1.700.000 đồng, Nguyễn V Tr là 400.000 đồng, Trần Thị Q Nh là 578.000 đồng và Nguyễn Th L là 700.000 đồng;

- Tịch thu nộp ngân sách nhà nước đối với: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Sam Sung Galaxy J8, số imei 1: 359051/09/750404/7, số imei 2: 359052/09/750404/5; 01 điện thoại nhãn hiệu Nokia, số Imei: 358281035945934, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 1010, số imei: 357328089018752, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, số imei: 356677086851552;

- Tịch thu tiêu hủy: Đối với 01 sim số: 0388162513 và 01 sim số: 0344779272.

- Giao lại cho Công ty Tài chính TNHH Một thành viên Ngân hàng Việt Nam Th V chiếc xe mô tô nhãn hiệu Winner X, BKS 79D1-712.37, số khung: RLHKC3719KY036354, số máy: KC34E1070718 của bị cáo Bùi X L để bán phát mại. Trường hợp còn thừa bán phát mại thì tịch thu sung Ngân sách Nhà nước. Trong quá Tr xử lý tài sản thế chấp, nếu có tranh chấp sẽ được giải quyết theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Truy thu đối với bị cáo Bùi X L số tiền là 45.000.000 đồng là giá trị của chiếc xe mô tô nhãn hiệu Winner X, BKS 79D1-712.37. Theo bản kết luận định giá ngày 08/4/2020, của Hội đồng định giá tài sản huyện Đ.

Theo Biên bản V/v giao nhận vật chứng, tài sản ngày 15/5/2020 giữa Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ và Công an huyện Đ, tỉnh G.

4. Về án phí:

Án phí hình sự: Xử buộc bị cáo Nguyễn Th L, Trần Thị Q Nh, Nguyễn V Tr, Bùi X L; Bùi Th Ng; Lê Trần T Qu mỗi bị cáo phải nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đồng (hai trăm nghìn đồng).

5. Về quyền kháng cáo:

Các bị cáo, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 07/7/2020) để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh G xét xử phúc thẩm. Đối với những bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh G;
- Sở tư pháp tỉnh G;
- Công an huyện Đ;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ;
- Các bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ/VT.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hoài Thơ